TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. G
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2019.
V/v: xin ly hôn, nuôi con chung**.**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán
- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Trần Thị Lệ

2. Bà Lê Thị Mỹ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị D Trinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa*: Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16-5-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Bé D**, sinh năm 1988 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: số 39/23/3 đường Trần Quốc Toản, khu phố Đông Hồ, phường Vĩnh Thanh, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 9, khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Phan Thanh P**, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 39/23/3 đường Trần Quốc Toản, khu phố Đông Hồ, phường Vĩnh Thanh, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Bé D trình bày:**

Chị và anh P tự quen nhau và tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20-3-2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng có hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau liên tục dẫn đến vợ chồng tự ly thân từ 01-2019 đến nay.

Lý do chị D xin ly hôn: Do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt cũng như trong công việc làm ăn, nhiều lần anh P đánh đập chị, có lần chị phải trình báo công an đã được công an nhắc nhở. Nay thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị D yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị D xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên Phan Ngọc Như sinh ngày 30-5-2013 hiện đang sống cùng với anh P. Chị D yêu cầu giao con cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị D có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh P vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị D yêu cầu giao con chung tên Phan Ngọc Như sinh ngày 30-5-2013 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thanh P không có ý kiến theo Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn anh Phan Thanh P vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có Quyết định phân công thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D; Về con chung đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị D là giao con Phan Ngọc Như sinh ngày 20-5-2013 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 28; Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phan Thanh P đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20-3-2014 phù hợp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị D cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau có khi anh P còn gây sự đánh chị. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh P vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị D và anh P đã tự ly thân chứng tỏ giữa vợ chồng thực sự có mâu thuẫn với nhau. Trong thời gian ly thân anh chị không còn sinh hoạt vợ chồng, không còn chung về kinh tế, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho đến nay vẫn không

đoàn tụ được. Hơn nữa, căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân đề ngày 10-12-2018 có chữ ký tên của anh Phan Thanh P và chị D nội dung thể hiện mẫu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị D và anh P chị D yêu cầu thuận tình ly hôn.

Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh P.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị D là giao cháu Phan Ngọc Như sinh ngày 30-5-2013 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi chị D và anh P ly thân đến nay cháu Như vẫn được anh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D tiếp tục để anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu Như. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có sơ sở xem xét.

Chị D có quyền, nghĩa vụ qua lại, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản chị D thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh P nhưng anh P hoàn toàn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu sau này anh P có tranh chấp về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc chị Hồ Thị Bé D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001414 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị D được khấu trừ xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9 và 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn và nuôi con của chị Hồ Thị Bé D đối với anh Phan Thanh P.

Tuyên bố chị Hồ Thị Bé D được ly hôn với anh Phan Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc Như sinh ngày 30-5-2013 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Bé D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001414 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị D được khấu trừ xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10-6-2019). Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh